

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ THEO NGHỊ ĐỊNH 66/2025/NĐ-CP**

*Học kỳ II - Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2026. Năm học 2025 - 2026*

*Đơn vị tính: đồng*

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Tổng cộng	Đôi tương thụ Xã KV III, Thôn bản ĐBKK	Số tháng được hưởng	Hỗ trợ tiền ăn	Hỗ trợ tiền nhà ở	Thành tiền	Hỗ trợ gạo (15kg/tháng)	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Tên chủ tài khoản	Mối quan hệ với học sinh hưởng chính sách	Ghi chú
	<b>1. Trường TH Nam Thanh</b>		<b>19</b>	<b>19</b>				<b>123,120,000</b>	<b>1,425</b>					
1	Dư Trúc Nhi	1A1		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	8906205025377	Ngân hàng Agribank	Quảng Thị Thương	Mẹ đẻ	
2	Đào Thảo Vy	1A1		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	100872557199	Ngân hàng viettinbank	Nguyễn Thuỳ Linh	Mẹ đẻ	
3	Nguyễn Thị Linh Đan	1A3		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	109801721990	Ngân hàng viettinbank	Nguyễn Trường Mạnh	Bố đẻ	
4	Đỗ Ngọc Trâm	1A4		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	0837641 238	Ngân hàng MB	Quảng Thị Trang	Mẹ đẻ	
5	Bùi Nam Nguyên	2A3		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	8808123666	Ngân hàng đầu tư BIDV	Bùi Thị Thảo	Mẹ đẻ	
6	Đỗ Phương Ánh Dương	2A3		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	107 388 939 999	Ngân hàng viettinbank	Đỗ Văn Huy	Bố đẻ	
7	Bùi Ngọc Hân	3A2		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	104001643910	Ngân hàng viettinbank	Nguyễn Thị Nga	Mẹ đẻ	
8	Tông Kim Ngân	3A3		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	073 100 086 8461	Ngân hàng Vietcombank	Lò Thị Kim Oanh	Mẹ đẻ	
9	Nguyễn Ngọc Kiều Linh	3A3		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	890 620 504 8002	Ngân hàng Agribank	Nguyễn Thị Mơ	Mẹ đẻ	
10	Lường Khánh Ly	4A2		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	012 880 723 807	Ngân hàng viettinbank	Lường thị Huôn	Mẹ đẻ	
11	Trần Đình Dũng	4A3		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	094 333 3136	Ngân hàng viettinbank	Trần Xuân Đông	Bố đẻ	
12	Lò Thanh Bình	4A4		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	8906205029594	Agribank chi nhánh Mường Nhé	Lò Thị Món	Mẹ đẻ	
13	Lý Hải Nam	5A1		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	101878951838	Ngân hàng viettinbank	Lò Thị Hương	Mẹ đẻ	
14	Lèng Nguyệt Nga	2A4		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	89022150 09443	Ngân hàng Agribank	Lường Thị Tuyên	Mẹ đẻ	HK II
15	Sùng Hà Thảo Nhi	2A4		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	103001456776	Ngân hàng viettinbank	Hà Thị Hạnh	Mẹ đẻ	HK II
16	Vũ Trúc Ly	2A3		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	3600192424	Ngân hàng đầu tư BIDV	Phạm Thị Ngọc My	Mẹ đẻ	HK II
17	Nguyễn Huy Thái	4A1		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	3600708122	Ngân hàng đầu tư BIDV	Thân Thị Bích Ngân	Mẹ đẻ	HK II
18	Trần Tiến Đạt	5A1		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	3600641148	Ngân hàng đầu tư BIDV	Trần Văn Dũng	Bố đẻ	HK II
19	Cà An Nguyễn	5A5		1	5	936,000	360,000	6,480,000	75	3600673169	Ngân hàng đầu tư BIDV	Lò Thị Thuyết	Mẹ đẻ	HK II

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MUỖNG THANH  
TRƯỜNG TH NAM THANH

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ CHI PHÍ HỌC TẬP THEO NGHỊ ĐỊNH 238/2025/NĐ-CP**  
*Học kỳ II - Từ tháng 01 đến tháng 05 năm 2026. Năm học 2025 - 2026*

Đơn vị tính: đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	LỚP	Tổng cộng	Đối tượng thụ hưởng				Số tháng được hưởng	Định mức	Thành tiền	Số tài khoản	Tên ngân hàng	Tên chủ tài khoản	Mối quan hệ với học sinh hưởng chính sách	Ghi chú
				Mồ côi	Khuyết tật	Hộ nghèo	Thôn bản ĐBKK								
	<b>1. Trường TH Nam Thanh</b>		<b>11</b>		<b>11</b>			<b>55</b>		<b>8,250,000</b>					
1	Lường Thị Kiều Linh	1A2			1			5	150,000	750,000	102880255568	Ngân hàng viettinbank	Lường Thị Hạnh	Mẹ đẻ	
2	Bùi Thiên Vy	1A3			1			5	150,000	750,000	109 8829 78127	Ngân hàng viettinbank	Poong Thị Quy	Mẹ đẻ	
3	Phan Phúc Hưng	1A4			1			5	150,000	750,000	103880996543	Ngân hàng viettinbank	Lường Thị Anh	Mẹ đẻ	
4	Đào Minh Châu	1A4			1			5	150,000	750,000	3600261971	Ngân hàng BIDV	Đỗ Thị Huyền	Mẹ đẻ	
5	Lò Đức Giang	2A2			1			5	150,000	750,000	0377 844 586	Ngân hàng MB	Cà Thị Phương	Mẹ đẻ	
6	Nguyễn Minh Đức	2A4			1			5	150,000	750,000	0968 002 550	Ngân hàng viettinbank	Trương Thị Hương	Mẹ đẻ	
7	Dương Phạm Lâm Khánh	4A1			1			5	150,000	750,000	107 872 966 835	Ngân hàng viettinbank	Phạm Thị Thanh Thanh	Mẹ đẻ	
8	Cà Văn Bảo	5A3			1			5	150,000	750,000	109001611974	Ngân hàng viettinbank	Hoàng Thị Thuý	Cô ruột	
9	Cà Đức Bảo	5A2			1			5	150,000	750,000	102005869849	Ngân hàng viettinbank	Nguyễn Thị Khánh	Cô ruột	
10	Nguyễn Nguyên Khang	5A4			1			5	150,000	750,000	100006546072	Ngân hàng viettinbank	Hoàng Hồng Liên	Bà ngoại	
11	Nguyễn Thành Luân	5A5			1			5	150,000	750,000	108 878 425 212	Ngân hàng viettinbank	Nguyễn Thị Nga	Mẹ đẻ	